TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST
Ngày: 27/6/2023
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Quyến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Hữu Lộc
2. Bà Nguyễn Thị Dung

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà Huỳnh Đặng Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022, về việc: *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-DS ngày 09/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị X**; sinh năm: 1962
Địa chỉ: 510 T-S, P. Q-Tr, Tp. Q-Nh, tỉnh B-Đ.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Xuân: Chị Nguyễn Thị Quý Đ; sinh năm 1993; địa chỉ: 510 T-S, P. Q-Tr, Tp. Q-Nh, tỉnh B-Đ. *(Theo văn bản ủy quyền ngày 23/5/2023).*

- *Bị đơn* : Ông **Nguyễn Xuân B**; sinh năm: 1966
Bà **Đinh Thị N**; sinh năm: 1969
Địa chỉ: Thôn Ph-A, xã C-Tr, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Nguyễn Quý H**; sinh năm 1962; địa chỉ: 510 T-S, P. Q-Tr, Tp. Q-Nh, tỉnh B-Đ.

- *Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Quý Hưng*: Chị Nguyễn Thị Quý Đ; sinh năm 1993; địa chỉ: 510 T-S, P. Q-Tr, Tp. Q-Nh, tỉnh B-Đ. *(Theo văn bản ủy quyền ngày 23/5/2023).*

(Chị Đ có mặt tại phiên tòa, vợ chồng ông B, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 18/7/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Trần Thị X và người đại diện theo ủy quyền của bà X là chị Nguyễn Thị Quý Đ tham gia phiên tòa trình bày:*

Ngày 24/12/2014 (AL), vợ chồng ông Nguyễn Xuân B, bà Đinh Thị N vay của vợ chồng bà X 200.000.000 đồng để làm vốn mua bán tạp hóa phục vụ ngày tết cổ truyền. Vì là chị em trong dòng họ nên khi vay bà X tin tưởng vợ chồng ông B không yêu cầu viết giấy tờ gì; lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng; thời hạn vay không thỏa thuận cụ thể. Sau khi vay, vợ chồng ông B trả lãi đầy đủ cho bà hàng tháng (2.000.000 đồng/tháng).

Ngày 12 tháng 10 năm 2015 (AL) vợ chồng ông B, bà N tiếp tục vay của vợ chồng bà 100.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích trả nợ Ngân hàng. Lãi suất và thời hạn vay các bên không thỏa thuận cụ thể, bởi vợ chồng ông B cam kết rằng, sau trả nợ Ngân hàng rồi sẽ vay lại để lấy tiền trả cho bà ngay. Sau khi vợ chồng ông B, bà N vay 100.000.000 đồng này, bà yêu cầu vợ chồng ông B, bà N viết và ký giấy vay tiền. Tuy nhiên, sau khi vay 100.000.000 đồng, vợ chồng ông B không trả nợ gốc cho bà như đã cam kết mà xin trả lãi với mức lãi suất 2,5%/tháng. Từ tháng 10/2015 đến ngày 21/3/2018 vợ chồng ông B, bà N trả lãi cho bà đầy đủ.

Trước ngày 21/3/2018 vợ chồng ông B, bà N dùng lời lẽ ngon ngọt hỏi bà vay thêm 100.000.000 đồng để vợ chồng ông B trả nợ Ngân hàng rồi lập Hợp đồng tín dụng mới vay tiền của Ngân hàng để trả hết cho bà 400.000.000 đồng tiền gốc. Một lần nữa bà lại tin vào lời hứa vợ chồng ông B nên ngày 21/3/2018 bà cho vợ chồng ông B vay tiếp 100.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Mức lãi lãi suất cho vay đối với số tiền này là 2%/tháng. Như vậy, sau ba lần vay, tổng số tiền gốc vợ chồng ông B nợ bà là 400.000.000 đồng, hàng tháng vợ chồng ông B phải trả lãi cho bà 6.500.000 đồng. Bà viết "Giấy vay tiền" bằng cách đánh máy vi tính để vợ chồng ông B ký nhận nợ. Ông B nói với bà rằng: "Chị cứ ghi ngày vay tiền là 12/11/2015 để xác định thời điểm vay là 2015, để em hủy các giấy nợ cũ". Bà ghi ngày vay tiền là ngày 12/11/2015 theo yêu cầu của ông B. Sau đó ông B hủy bỏ các giấy nợ cũ. Tuy nhiên, một lần nữa vợ chồng ông B lại thất hứa, không vay tiền Ngân hàng để trả 400.000.000 đồng tiền gốc như đã cam kết, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông B trả nợ nhưng với lý do này, lý do khác vợ chồng ông B cố tình không chịu trả nợ. Sau nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng ông B không trả, ngày 18/11/2019 ông B lại viết một giấy vay tiền (bằng giấy viết tay), cam kết trả lãi hàng tháng 8.500.000 đồng (tăng thêm 2.000.000 đồng so với mức lãi cũ hai bên thỏa thuận). Từ ngày 18/11/2019 đến hết ngày 18/10/2021 ông B trả lãi đầy đủ cho bà 8.500.000 đồng/tháng trên số dư nợ gốc 400.000.000 đồng. Từ ngày 19/11/2021 đến nay vợ chồng ông B, bà N không trả nợ gốc và cũng không trả lãi cho bà, mặc dù bà đã đến nhà đòi nợ nhiều lần.

Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Xuân B, bà Đinh Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà 400.000.000 đồng tiền gốc. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2022 bà X yêu cầu vợ chồng ông B, bà N phải trả tiền lãi từ ngày 19/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo bà được biết hiện nay vợ chồng ông B lâm vào tình trạng nợ nần rất nhiều người nên bà tự nguyện cho tiền lãi, không yêu cầu vợ chồng ông B phải trả lãi nữa. Bà chỉ yêu cầu ông B, bà N trả nợ gốc 400.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2022, bị đơn ông Nguyễn Xuân B trình bày:*

Bắt đầu từ năm 2009 vợ chồng ông có vay tiền của bà X nhiều lần để sử dụng vốn mua bán làm ăn. Mỗi lần vay vợ chồng ông đều viết giấy vay tiền cho bà X với mức lãi suất vay do hai bên thỏa thuận từ 5% đến 10%/tháng. Thời hạn vay các bên không thỏa thuận cụ thể. Vì thời gian đã lâu nên ông không nhớ cụ thể từng lần và từng khoản tiền vay. Tính đến ngày 12/11/2015 vợ chồng ông chỉ còn nợ của bà X 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc. Tuy nhiên, vì các lần vay tiền vợ chồng ông đều viết giấy cho bà X, nhưng khi trả nợ thì vợ chồng ông quên hủy hoặc xóa giấy nợ cũ nên bà X cộng dồn tổng các khoản vay là 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)* rồi ép buộc vợ chồng ông phải ký giấy nhận nợ. Ông thừa nhận chữ viết, chữ ký ở mục "Người vay ký tên" trong "Giấy vay tiền" ghi ngày 12/11/2015 là do vợ chồng ông ký ghi rõ họ tên, nhưng vợ chồng ông ký vào giấy vay tiền này trong hoàn cảnh được bà X soạn sẵn bằng văn bản đánh máy vi tính và bị ép buộc phải ký. Sau khi ký vào giấy vay tiền này, vợ chồng ông tiếp tục trả lãi cho bà X với mức lãi suất bình quân là 7,5%/tháng (Vì có khoản nợ gốc phải trả lãi với mức lãi suất 5%, nhưng cũng có khoản nợ gốc vợ chồng ông phải trả lãi suất 10%/tháng). Ngày 18/11/2019 bà X lại tiếp tục ép buộc vợ chồng ông viết và ký nhận nợ bằng Giấy vay tiền ghi ngày 18/11/2019. Sau khi viết giấy vay tiền này, vợ chồng tôi tiếp tục trả lãi cho bà X đến hết năm 2021 với mức lãi suất nêu trên.

Thực tế, hiện nay vợ chồng ông chỉ nợ bà X 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc, nhưng vì bà X ép buộc viết giấy nợ 400.000.000 đồng nên vợ chồng ông chấp nhận hiện nay còn nợ bà X 400.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi chưa trả từ đầu năm 2022 đến nay. Vì điều kiện làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều người nên vợ chồng ông không có khả năng trả nợ 01 lần theo yêu cầu của bà X. Do vậy, vợ chồng ông xin trả dần cho bà X bằng cách trả dần bằng nguồn lương của ông là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Riêng tiền lãi từ đầu năm 2022 đến nay vợ chồng ông xin bà X.

** Bị đơn bà Đinh Thị N đã được Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập bà N đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng bà N không có mặt tại nơi cư trú và vắng mặt hầu hết các giai đoạn tham gia tố tụng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân B, bà Đinh Thị N đăng ký nơi cư trú tại thôn Ph-A, xã C-Tr, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham gia tố tụng, ông B đến Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Riêng bà Đinh Thị N không đến Tòa án tham gia tố tụng theo Thông báo và giấy triệu tập. Ông B cho rằng vợ ông (bà N) đang điều trị bệnh chạy thận nhân tạo tại TP. Hồ Chí Minh, nhưng ông B, bà N không cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều trị bệnh theo yêu cầu của Tòa án. Các giai đoạn tố tụng tiếp theo, vợ chồng ông B lẩn tránh không đến Tòa án tham gia tố tụng theo Thông báo, triệu tập của Tòa án, thay đổi số điện thoại liên lạc. Theo biên bản xác minh tại Công an xã C-Tr, huyện Phù Cát và tại Trung tâm y tế huyện Phù Cát (nơi ông B công tác), từ ngày 07/12/2022 đến ngày 02/02/2023 ông B xin nghỉ phép nhiều đợt. Đến ngày 02/02/2023 ông B có đơn xin thôi việc. Như vậy, Tòa án có đủ căn cứ để xác định vợ chồng ông B, bà N đã cố ý lẩn tránh, không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Căn cứ Điều 179, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân B, bà Đinh Thị N phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn bà Trần Thị X khởi kiện yêu cầu bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Xuân B, bà Đinh Thị N phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà X, ông H 400.000.000 đồng tiền gốc phát sinh từ hợp đồng vay tài sản xác lập giao dịch nhiều lần trong năm 2014 và 2015. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, kèm theo đơn khởi kiện, bà X cung cấp cho Tòa án bản sao "Giấy mượn tiền" ghi ngày 12/11/2015 (AL) và bản sao giấy vay tiền ngày 18/11/2019. Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2022, ông Nguyễn Xuân B thừa nhận chữ ký, chữ viết trong các giấy vay tiền do bà X cung cấp cho Tòa án là do vợ chồng ông viết, ký vào mục người vay tiền. Tuy nhiên, ông B cho rằng, bắt đầu từ năm 2009 vợ chồng ông vay tiền của bà X nhiều lần và trả nợ vay nhiều lần nên không nhớ cụ thể từng lần vay và từng khoản vay. Thực tế, tính đến ngày 12/11/2015 vợ chồng ông chỉ còn nợ vợ chồng bà X 200.000.000 đồng tiền gốc, nhưng do bị bà X ép buộc nên vợ chồng ông ký vào các giấy vay tiền nêu trên. Về mức lãi suất, vợ chồng ông vay tiền của bà X với mức lãi suất từ 5% - 10%. Sau khi bị bà X ép buộc viết, ký các giấy vay tiền ghi ngày 12/11/2015 và ngày 18/11/2019, vợ chồng ông trả lãi cho bà X đến đầu năm 2022 thì mất khả năng thanh toán. Vợ chồng ông chấp nhận hiện nay còn nợ bà X 400.000.000 đồng tiền gốc và chấp nhận trả nợ bằng phương thức trả dần mỗi

tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Riêng tiền lãi ông Bảo xin bà X.

[2.1.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của phía bị đơn, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông B chỉ duy nhất một lần đến Tòa án trình bày nội dung giao dịch vay tiền giữa vợ chồng ông và bà X bằng bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2022. Còn bà Đinh Thị N (vợ ông B) cố ý lẩn tránh, không đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2022 ông B không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy, các giấy vay tiền ghi ngày 12/11/2015 và ngày 18/11/2019 do bà X cung cấp cho Tòa án là chứng cứ thuyết phục để chứng minh rằng, vợ chồng ông B, bà N còn nợ của bà X 400.000.000 đồng như lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

[2.1.2] Hợp đồng vay tài sản giữa bà X với vợ chồng ông B, bà N là hợp đồng vay có lãi suất, không kỳ hạn. Đối với loại hợp đồng này, theo quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015 (BLDS-2015), bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản. Trong vụ án này, từ ngày 19/11/2021 đến nay vợ chồng ông B, bà N không trả tiền lãi. Đối với tiền gốc, mặc dù bà X đã đòi nợ nhiều lần nhưng vợ chồng B cũng không thanh toán. Như vậy, vợ chồng ông B, bà N đã vi phạm hợp đồng nên việc bà X khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông B phải trả 400.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1.3] Đối với tiền lãi, mặc dù các bên thỏa thuận mức lãi suất cho vay từ 2% đến 2,5%/tháng là cao hơn mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS-2015. Tuy nhiên, từ ngày 19/11/2021 đến nay vợ chồng ông B, bà N không trả tiền lãi cho vợ chồng bà Xn. Vợ chồng bà X cũng tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên xét thấy không cần thiết phải điều chỉnh mức lãi suất và số tiền lãi mà vợ chồng ông B đã trả vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp giữa các bên.

[2.1.4] Về phương thức trả nợ, ông B cho rằng do làm ăn bị thua lỗ, hiện nay vợ chồng ông nợ rất nhiều người, không có khả năng trả nợ một lần cho bà X nên ông X trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Yêu cầu xin trả dần của ông B không được bà X chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án không chấp nhận.

[2.2] Từ những nhận nhận định trên, HĐXX xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông B, bà N phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Trần Thị X, ông Nguyễn Quý H 400.000.000 đồng dứt điểm một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố

tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân B, bà Định Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn cố ý lẩn tránh, vắng mặt tại phiên tòa thì phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt. Về hướng giải quyết vụ án: ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX nên Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, các Điều 264, 266, 267, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 357, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự - 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X về việc khởi kiện vợ chồng ông Nguyễn Xuân B, bà Đinh Thị N tranh chấp hợp đồng vay tài sản xác lập giao dịch nhiều lần trong năm 2014 và năm 2015.

1.1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Xuân B, bà Đinh Thị N phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Trần Thị X, ông Nguyễn Quý H số tiền gốc là 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)*.

1.2. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Xuân B xin trả dần 400.000.000 đồng theo phương thức trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

2. Quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự:

2.1. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự (20%/năm) tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Án phí DSST:

3.1. Vợ chồng ông Nguyễn Xuân B, bà Đinh Thị N phải chịu 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định hoàn trả lại cho bà Trần Thị X 11.480.000 đồng *(Mười một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011667 ngày 21/10/2022.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tống đạt trực tiếp hoặc niêm yết công khai hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND huyện Phù Cát;
- THA DS huyện Phù Cát;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đình Quyến